

Số: 504/2021/TPS-CV

TP. HCM, ngày 21 tháng 07 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN

TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

Mã chứng khoán: ORS

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 03, 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 08.39118014 Fax: 08.39118015

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Lệ Tùng

Địa chỉ: Tầng 03, 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 08.39118014 Fax: 08.39118015

Loại thông tin công bố: bất thường 24 giờ theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty CP Chứng khoán Tiên Phong (TPS) trân trọng công bố thông tin về:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2021 đã kiểm toán.
- Công văn giải trình Biến động lợi nhuận bán niên năm 2021 so với năm 2020.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 21/07/2021 tại đường dẫn:

<https://www.tpbs.com.vn/vi/thong-tin-tps/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh/tps-cong-bo-bao-cao-tai-chinh-kiem-toan-ban-nien-nam-2021?postId=856>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2021 đã kiểm toán.
- Công văn giải trình Biến động lợi nhuận bán niên năm 2021 so với năm 2020.

Người được ủy quyền CBTT



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP.HCM, ngày 20 tháng 07 năm 2021

Số : 502./2021/TPS-CV
V/v: Giải trình biến động lợi nhuận
bán niên năm 2021 so với bán niên
năm 2020

**Kính gửi : ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán*”, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong (TPS) giải trình về việc Kết quả kinh doanh bán niên năm 2021 biến động trên 10% so với kết quả kinh doanh bán niên năm 2020, cụ thể như sau:

| STT | Khoản mục | Sáu tháng đầu năm 2021 | Sáu tháng đầu năm 2020 | Chênh lệch | Tỷ lệ (%) |
|-----|-----------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|----------------|
| 1 | Doanh thu | 551,191,264,856 | 154,346,112,446 | 396,845,152,410 | 257.11% |
| | Doanh thu thực hiện | 548,605,000,790 | 154,346,082,496 | 394,258,918,294 | |
| | Doanh thu đánh giá FVTPL | 2,586,264,066 | 29,950 | 2,586,234,116 | |
| 2 | Chi phí | 375,740,520,068 | 106,911,348,732 | 268,829,171,336 | 251.45% |
| | Chi phí thực hiện | 362,246,782,812 | 106,886,438,332 | 255,360,344,480 | |
| | Chi phí dự phòng | - | - | - | |
| | Chi phí đánh giá FVTPL | 13,493,737,256 | 24,910,400 | 13,468,826,856 | |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 175,450,744,788 | 47,434,763,714 | 128,015,981,074 | 269.88% |
| 4 | Chi phí thuế TNDN | 24,838,062,316 | 9,405,630,001 | 15,432,432,315 | |
| 5 | Lợi Nhuận sau thuế | 150,612,682,472 | 38,029,133,713 | 112,583,548,759 | 296.05% |

Doanh thu sáu tháng đầu năm 2021 đạt hơn 551 tỷ đồng, tăng 257.11% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí sáu tháng đầu năm 2021 là hơn 375 tỷ đồng, tăng hơn 251.45% so với cùng kỳ năm trước.

Trong kỳ doanh thu và chi phí tăng đều từ các nghiệp vụ tự doanh, môi giới, lưu ký và hoạt động tư vấn tài chính dẫn đến lợi nhuận sau thuế của sáu tháng đầu năm 2021 đạt được hơn 150 tỷ đồng, tăng 296.05% so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Địa chỉ: Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-08) 3914 4290

Fax: (84-08) 3914 2295

Số: 0333/2021

THƯ GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi: Ông/Bà Kiểm toán viên
Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt

Thư giải trình này được cung cấp liên quan đến cuộc kiểm toán của Công ty Ông/Bà về báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong cho năm tài chính kết thúc ngày 30/6/2021 nhằm mục đích đưa ra ý kiến về việc liệu báo cáo tài chính có phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hay không.

Chúng tôi xác nhận rằng (với sự hiểu biết và tin tưởng cao nhất, chúng tôi đã tìm hiểu những thông tin mà chúng tôi cho là cần thiết để thu được những hiểu biết thích hợp):

- (1) Chúng tôi đã hoàn thành các trách nhiệm của mình, như đã thỏa thuận trong các điều khoản của Hợp đồng kiểm toán và Phụ lục Hợp đồng kiểm toán số 98/2021/HĐKT; 98/2021/ HĐKT – PL ký ngày 12 tháng 4 năm 2021, đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; cụ thể là báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- (2) Chúng tôi đã sử dụng các giả định hợp lý để đưa ra các ước tính kế toán, kể cả ước tính về giá trị hợp lý.
- (3) Công ty có quyền sở hữu hợp pháp đối với tất cả các tài sản, không có tranh chấp liên quan tới các tài sản và không có các tài sản bị cầm cố cũng như thế chấp.
- (4) Chúng tôi đã ghi nhận hoặc trình bày đúng đắn tất cả các khoản nợ phải trả, bao gồm các khoản nợ thực tế và nợ tiềm tàng và đã trình bày tất cả các khoản bảo lãnh cho bên thứ ba và các bên liên quan của Công ty trên các báo cáo tài chính.
- (5) Chúng tôi xác nhận rằng Công ty đã không sử dụng bất kỳ luật sư nào trong năm cho bất kỳ tranh chấp hay khiếu nại nào.
- (6) Các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan đã được giải thích và thuyết minh đầy đủ tại mục VIII.2 Bản thuyết minh báo cáo tài chính một cách phù hợp theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.
- (7) Chúng tôi không nhận thấy có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cần phải được điều chỉnh và thuyết minh theo quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam.
- (8) Việc trình bày và thuyết minh về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả được thực hiện theo Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) của Bộ Tài chính. Các giả định được Chúng tôi sử dụng phản ánh ý định và khả năng thực hiện các hành động cụ thể thay cho đơn vị, liên quan đến việc đo lường hoặc thuyết minh giá trị hợp lý.
- (9) Chúng tôi không có bất kỳ kế hoạch nào có thể dẫn đến thay đổi trọng yếu giá trị cũng như phân loại của tài sản và nợ phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính
- (10) Không phát sinh các vấn đề sau:
 - Các thoả thuận với các tổ chức tài chính liên quan tới bù trừ các số dư, hoặc các thoả thuận liên quan tới hạn chế số dư tiền mặt và cung cấp tín dụng, hoặc các thoả thuận tương tự khác;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG
THƯ GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Các thoả thuận cam kết mua lại tài sản đã bán trước đó;
 - Hợp đồng quyền lựa chọn hoặc thoả thuận mua lại cổ phiếu, hoặc cổ phiếu được dành riêng cho việc thực hiện quyền lựa chọn, đảm bảo, chuyển đổi, hoặc việc thực hiện các cam kết khác;
 - Những thay đổi trong nguyên tắc kế toán có tác động tới tính nhất quán của số liệu.
- (11) Các khoản dự phòng cần thiết đã được lập:
- Chi phí phải gánh chịu do việc giảm giá chứng khoán kinh doanh đã được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động;
 - Chi phí phải gánh chịu do việc dự phòng những khoản nợ khó đòi.
- (12) Mọi giao dịch bán đều đã được chốt và không có bất cứ một thoả thuận biệt lập nào với khách hàng, hoặc một điều khoản bán hàng nào, cho phép trả lại hàng đã bán.
- (13) Chúng tôi đã cung cấp cho Ông/Bà:
- Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà chúng tôi nhận thấy có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như sổ, tài liệu, chứng từ kế toán và các vấn đề khác;
 - Các tài liệu, thông tin bổ sung mà kiểm toán viên yêu cầu chúng tôi cung cấp để phục vụ cho mục đích kiểm toán;
 - Quyền tiếp cận không hạn chế với những cá nhân trong đơn vị mà kiểm toán viên xác định là cần thiết nhằm thu thập bằng chứng kiểm toán;
 - Các Biên bản họp, các Nghị quyết của đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị.
- (14) Tất cả các giao dịch đã được ghi chép trong tài liệu, sổ kế toán và đã được phản ánh trong báo cáo tài chính.
- (15) Chúng tôi không nhận thấy có rủi ro báo cáo tài chính có thể chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận.
- (16) Chúng tôi không nhận thấy có bất kỳ thông tin nào liên quan đến gian lận hoặc nghi ngờ gian lận có thể có ảnh hưởng đến đơn vị và liên quan đến: Ban Giám đốc; Những nhân viên có vai trò quan trọng trong kiểm soát nội bộ; hoặc các vấn đề khác mà gian lận có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.
- (17) Chúng tôi không nhận thấy có bất kỳ thông tin nào liên quan đến các cáo buộc gian lận hoặc nghi ngờ gian lận có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của đơn vị mà chúng tôi được thông báo từ các nhân viên, nhân viên cũ của Công ty, các chuyên gia phân tích, các cơ quan quản lý hoặc những người khác.
- (18) Chúng tôi không nhận thấy có bất kỳ trường hợp nào không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ pháp luật và các quy định mà ảnh hưởng của việc không tuân thủ đó cần được xem xét khi lập và trình bày báo cáo tài chính.
- (19) Chúng tôi đã công bố cho Ông/Bà danh tính của các bên liên quan của đơn vị và tất cả các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan mà chúng tôi biết.
- (20) Hiện tại, ngoài sự kiện như đã thuyết minh trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, không còn các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải xem xét lại số liệu đã trình bày trong Báo cáo tài chính hoặc phải thuyết minh bổ sung. Chúng tôi sẽ thông báo cho Quý vị nếu có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày lại số liệu hoặc thuyết minh bổ sung trong Báo cáo tài chính.
- (21) Các báo cáo tài chính đã thuyết minh tất cả các vấn đề mà chúng tôi biết có liên quan đến khả năng hoạt động theo nguyên tắc hoạt động liên tục.
- (22) Chúng tôi đã cân nhắc đến tất cả các bút toán điều chỉnh mà Quý vị đề nghị và xác nhận chúng tôi chấp nhận các bút toán điều chỉnh này, ngoại trừ bút toán về dự thu lãi tiền gửi.

49 -
ÔNG
CỔ P
HỨNG
HIỆN P
T - T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG
THƯ GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trân trọng,

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2021



TRẦN SON HẢI
Tổng Giám đốc

A blue ink signature of Nguyễn Thị Khánh Hòa.

Nguyễn Thị Khánh Hòa
Kế toán trưởng

C. 7
TY
PHÂN
CHỨNG KHOÁN
TIÊN PHONG
HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

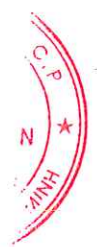
Phục lục

CÁC BÚT TOÁN KHÔNG ĐIỀU CHỈNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KỶ CHỌ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

ĐVT/UNIT: VND

| Stt/ No. | Nội dung/ Description | Tài khoản/ Account | | Số tiền/ Amount | Ảnh hưởng BCKQT/ Effected to BS | | | | Ảnh hưởng BCKQKD/ Effected to PL (Nợ/ Debit (Có/ Credit)) |
|-------------|--|--------------------|------------|-------------------|---|--|--|--|---|
| | | Nợ/ Debit | Có/ Credit | | Tài sản / Assets (Nợ/ Debit (Có/ Credit)) | Công nợ / Liabilities (Nợ/ Debit (Có/ Credit)) | LNSTCPP/ Retained earnings (Nợ/ Debit (Có/ Credit)) | Các khoản vốn khác/ Other equity A/Cs (Nợ/ Debit (Có/ Credit)) | |
| 1 | Hạch toán bổ sung lãi tiền gửi dự thu tiền gửi 300 tỷ tại TPB | 138 | 5110115981 | 38.333.333 | 38.333.333 | | | 38.333.333 | (38.333.333) |
| | Tổng công/ Total | | | 38.333.333 | 38.333.333 | | | 38.333.333 | (38.333.333) |
| | Ảnh hưởng thuế/ Effected to CIT | | | | | | | | 7.666.667 |
| | Tổng ảnh hưởng sau thuế/ Total effected to profit after tax | | | | | | | | (30.666.666) |



Handwritten signature

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
TIÊN PHONG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

| | <u>TRANG</u> |
|--|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN | 4 - 5 |
| BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH | 6 - 8 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG | 9 - 10 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 11 - 12 |
| BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU | 13 |
| BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 14 - 55 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm</u> | <u>Ngày miễn nhiệm</u> |
|---------------------------------|-------------------------|----------------------|------------------------|
| <u>Hội đồng quản trị</u> | | | |
| Ông Đỗ Anh Tú | Chủ tịch | 15/03/2021 | |
| Ông Trần Sơn Hải | Phó Chủ tịch | 15/03/2021 | |
| Bà Trương Thị Hoàng Lan | Thành viên độc lập | 15/03/2021 | |
| <u>Ban kiểm soát</u> | | | |
| Bà Trần Thanh Hương | Trưởng ban | 15/03/2021 | |
| Bà Đặng Sĩ Thùy Tâm | Thành viên | 19/06/2020 | |
| Bà Võ Thị Xuân Lan | Thành viên | 19/06/2020 | |
| <u>Ban Tổng Giám đốc</u> | | | |
| Ông Trần Sơn Hải | Tổng Giám đốc | 04/10/2019 | |
| Bà Nguyễn Thị Lệ Tùng | Giám đốc khối tài chính | 16/04/2019 | |

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Trần Sơn Hải, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán quý I kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



TRẦN SƠN HẢI - Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong, được lập ngày 20 tháng 7 năm 2021, từ trang 6 đến trang 55, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2021

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN THỊ THOM - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

LÊ THỊ BÍCH NGỌC - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1817-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

MẪU B01-CTCK

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130) | 100 | | 3.481.716.869.602 | 2.172.960.074.502 |
| I. Tài sản tài chính | 110 | | 3.474.075.369.447 | 2.169.121.731.195 |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 111 | V.1 | 556.076.562.478 | 1.002.117.958.872 |
| 1.1. Tiền | 111.1 | | 556.076.562.478 | 1.002.117.958.872 |
| 2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) | 112 | V.3a | 1.579.854.114.470 | 450.490.918.650 |
| 3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 113 | V.3b | 500.000.000.000 | - |
| 4. Các khoản cho vay | 114 | V.3c | 809.735.240.921 | 127.817.183.500 |
| 5. Các khoản phải thu | 117 | | - | 695.000.000 |
| 5.1 Phải thu bán các tài sản tài chính | 117.1 | V.4a | - | 695.000.000 |
| 5.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính | 117.2 | V.4b | - | - |
| 6. Trả trước cho người bán | 118 | V.4c | 12.777.632.520 | 512.551.667.980 |
| 7. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp | 119 | V.4d | 13.519.346.721 | 62.742.833.058 |
| 8. Các khoản phải thu khác | 122 | V.4e | 2.112.472.337 | 12.706.169.135 |
| II. Tài sản ngắn hạn khác | 130 | | 7.641.500.155 | 3.838.343.307 |
| 1. Tạm ứng | 131 | V.5 | - | 562.451.671 |
| 2. Chi phí trả trước ngắn hạn | 133 | V.6a | 7.616.500.155 | 1.090.385.434 |
| 3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 134 | V.7a | 25.000.000 | 20.000.000 |
| 4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 136 | V.13 | - | 2.165.506.202 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260) | 200 | | 50.326.737.815 | 25.603.536.023 |
| I. Tài sản tài chính dài hạn | 210 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 16.850.245.289 | 6.956.397.665 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 6.749.500.880 | 3.230.140.480 |
| Nguyên giá | 222 | | 12.477.624.109 | 9.118.477.729 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223a | | (5.728.123.229) | (5.888.337.249) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 10.100.744.409 | 3.726.257.185 |
| Nguyên giá | 228 | | 17.756.291.564 | 10.953.787.564 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229a | | (7.655.547.155) | (7.227.530.379) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 240 | V.10 | 1.961.831.159 | 425.882.609 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 250 | | 31.514.661.367 | 18.221.255.749 |
| 1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn | 251 | V.7b | 3.433.614.373 | 2.265.293.833 |
| 2. Chi phí trả trước dài hạn | 252 | V.6b | 4.720.726.709 | 5.501.756.869 |
| 3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 253 | V.11 | 18.802.359.133 | 6.353.177.853 |
| 4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán | 254 | V.12 | 4.557.961.152 | 4.101.027.194 |
| VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn | 260 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 3.532.043.607.417 | 2.198.563.610.525 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340) | 300 | | 2.420.914.908.987 | 1.238.047.594.567 |
| I. Nợ phải trả ngắn hạn | 310 | | 420.914.908.987 | 238.047.594.567 |
| 1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 318 | | 35.091.195.821 | 55.406.916.000 |
| 2. Phải trả người bán ngắn hạn | 320 | | 2.812.255.129 | 324.237.500 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 322 | V.13 | 34.686.281.956 | 7.122.594.274 |
| 4. Phải trả người lao động | 323 | | 1.246.419.041 | 8.570.186.519 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 325 | V.14 | 48.258.324.971 | 33.565.253.669 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 327 | | 83.104.322.476 | 31.151.123.629 |
| 7. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn | 329 | V.15 | 215.716.109.593 | 101.907.282.976 |
| II. Nợ phải trả dài hạn | 340 | | 2.000.000.000.000 | 1.000.000.000.000 |
| Trái phiếu phát hành dài hạn | 346 | V.16 | 2.000.000.000.000 | 1.000.000.000.000 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420) | 400 | | 1.111.128.698.430 | 960.516.015.958 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 1.111.128.698.430 | 960.516.015.958 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | V.17 | 1.000.000.000.000 | 1.000.000.000.000 |
| 1.1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411.1 | | 1.000.000.000.000 | 1.000.000.000.000 |
| a. Cổ phiếu phổ thông | 411.1a | | 1.000.000.000.000 | 1.000.000.000.000 |
| 2. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế) | 417 | V.18 | 111.128.698.430 | (39.483.984.042) |
| 2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện | 417.1 | | 103.800.203.915 | (45.270.770.467) |
| 2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện | 417.2 | | 7.328.494.515 | 5.786.786.425 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 420 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400) | 440 | | 3.532.043.607.417 | 2.198.563.610.525 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT | | | | |
| 1. Nợ khó đòi đã xử lý | 004 | V.19a | 408.234.835.519 | 408.234.835.519 |
| 2. Cổ phiếu đang lưu hành | 006 | V.17 | 100.000.000 | 100.000.000 |
| 3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK | 008 | V.19b | 63.907.970.000 | 227.218.270.000 |
| 4. Tài sản tài chính chờ về của CTCK | 010 | V.19c | 214.124.500.000 | 1.511.500.000 |
| 5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK | 012 | V.19d | 1.066.081.934.007 | 98.100.000.000 |
| B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG | | | | |
| 1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư | 021 | V.19e | 6.355.845.370.000 | 3.107.055.785.000 |
| a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng | 021.1 | | 3.688.058.830.000 | 1.113.855.545.000 |
| b. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ | 021.4 | | 2.586.485.540.000 | 1.966.554.330.000 |
| c. Tài sản tài chính chờ thanh toán | 021.5 | | 81.301.000.000 | 26.645.910.000 |
| 3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư | 023 | V.19f | 127.762.530.000 | 24.349.090.000 |
| 2. Tiền gửi của khách hàng | 026 | | 398.841.315.221 | 182.001.020.004 |
| 2.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 027 | V.19g | 398.841.315.221 | 154.001.020.004 |
| 2.2 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán | 030 | V.19h | - | 28.000.000.000 |
| 3. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 031 | V.19i | 398.841.315.221 | 154.001.020.004 |
| 3.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 031.1 | | 398.237.173.105 | 153.425.112.018 |
| 3.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 031.2 | | 604.142.116 | 575.907.986 |
| 4. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán | 032 | V.19j | - | 28.000.000.000 |
| 5. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | 035 | V.19k | 1.453.434.659 | 1.606.627.659 |



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2021

TRẦN SƠN HẢI
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối tài chính

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

MÁU B02-CTCK

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Kỳ này | Kỳ trước |
|---|-----------|--------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG | | | | |
| 1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | 01 | | 108.674.039.743 | 1.127.006.887 |
| a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL | 01.1 | VI.1 | 72.301.620.217 | 1.104.636.286 |
| b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL | 01.2 | VI.2 | 2.586.264.066 | 29.950 |
| c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL | 01.3 | VI.3 | 33.786.155.460 | 22.340.651 |
| 1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 02 | VI.3 | 7.835.616 | 5.753.425 |
| 1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu | 03 | VI.3 | 13.259.946.678 | 135.578.223 |
| 1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán | 06 | VI.4 | 34.654.156.643 | 4.601.728.182 |
| 1.6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán | 08 | VI.4 | 5.826.918.458 | - |
| 1.7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | 09 | VI.4 | 74.456.444.992 | 8.315.313.598 |
| 1.8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính | 10 | VI.4 | 303.425.000.000 | 135.995.205.479 |
| 1.9. Thu nhập hoạt động khác | 11 | VI.4 | 588.312.794 | 1.032.000.000 |
| Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -> 11) | 20 | | 540.892.654.924 | 151.212.585.794 |
| II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG | | | | |
| 2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) | 21 | | 99.634.779.486 | 311.862.005 |
| a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL | 21.1 | VI.1 | 86.091.240.324 | 270.798.044 |
| b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL | 21.2 | VI.2 | 13.493.737.256 | 24.910.400 |
| c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL | 21.3 | | 49.801.906 | 16.153.561 |
| 2.2. Chi phí hoạt động tự doanh | 26 | VI.5 | 5.000.000 | 144.000.000 |
| 2.3. Chi phí môi giới chứng khoán | 27 | VI.5 | 23.713.120.034 | 4.009.290.931 |
| 2.4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | 30 | VI.5 | 45.620.152.604 | 354.492.580 |
| 2.5. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính | 31 | VI.5 | 93.608.962.755 | 80.391.785.934 |
| Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 -> 32) | 40 | | 262.582.014.879 | 85.211.431.450 |
| III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định | 42 | VI.6 | 485.435.270 | 295.247.832 |
| Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -> 44) | 50 | | 485.435.270 | 295.247.832 |
| IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH | | | | |
| Chi phí lãi vay | 52 | VI.7 | 66.938.373.990 | 900.046.998 |
| Cộng chi phí tài chính (60 = 51 -> 55) | 60 | | 66.938.373.990 | 900.046.998 |
| V. CHI PHÍ BÁN HÀNG | 61 | VI.10 | - | - |
| VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN | 62 | VI.8 | 41.152.457.413 | 20.799.870.284 |
| VII KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20+50-40-60-61-62) | 70 | | 170.705.243.912 | 44.596.484.894 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Kỳ này | Kỳ trước |
|---|------------|-------------|------------------------|-----------------------|
| | | | | |
| VIII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC | | | | |
| 8.1. Thu nhập khác | 71 | VI.9 | 9.813.174.662 | 2.838.278.820 |
| 8.2. Chi phí khác | 72 | | 5.067.673.786 | - |
| Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71-72) | 80 | | 4.745.500.876 | 2.838.278.820 |
| IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80) | 90 | | 175.450.744.788 | 47.434.763.714 |
| 9.1. Lợi nhuận đã thực hiện | 91 | | 186.358.217.978 | 47.459.644.164 |
| 9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện | 92 | | (10.907.473.190) | (24.880.450) |
| X. CHI PHÍ THUẾ TNDN | 100 | | 24.838.062.316 | 9.405.630.001 |
| 10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 100.1 | VI.10 | 37.287.243.596 | 5.994.283.667 |
| 10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 100.2 | VI.11 | (12.449.181.280) | 3.411.346.334 |
| XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100) | 200 | | 150.612.682.472 | 38.029.133.713 |
| XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN | 300 | | | |
| Tổng thu nhập (lỗ) toàn diện khác | 400 | | - | - |
| XIII. THU NHẬP THUẢN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG | 500 | | | |
| 13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 501 | VI.12a | 1.506 | 865 |
| 13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 502 | VI.12b | 1.506 | 865 |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2021



TRẦN SON HẢI
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối tài chính

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

MẪU B03-CTCK

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|-------|-------------|----------------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 01 | | 175.450.744.788 | 47.434.763.714 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | 02 | | 67.206.176.746 | 1.454.879.342 |
| - Khấu hao TSCĐ | 03 | | 267.802.756 | 554.832.344 |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 66.938.373.990 | 900.046.998 |
| - Dự thu tiền lãi | 08 | | - | - |
| 3. Tăng các chi phí tiền tệ | 10 | | 13.493.737.256 | 24.910.400 |
| Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL | 11 | | 13.493.737.256 | 24.910.400 |
| 4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ | 18 | | (2.586.264.066) | (29.950) |
| Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL | 19 | | (2.586.264.066) | (29.950) |
| 5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 30 | | (1.686.948.289.168) | 10.711.112.103 |
| - Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL | 31 | | (1.140.270.669.010) | (999.061.799) |
| - Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 32 | | (500.000.000.000) | - |
| - Tăng (giảm) các khoản cho vay | 33 | | (681.918.057.421) | (2.171.531.104) |
| - (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính | 35 | | 695.000.000 | - |
| - (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp | 37 | | 49.223.486.337 | (2.183.600.055) |
| - (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác | 39 | | 10.593.696.798 | (4.994.058.428) |
| - Tăng (giảm) các tài sản khác | 40 | | (1.067.802.827) | (25.288.645.452) |
| - Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay) | 41 | | (21.213.215.947) | (7.722.112.445) |
| - Tăng (giảm) chi phí trả trước | 42 | | (5.745.084.561) | 1.124.451.240 |
| - (-) Thuế TNDN đã nộp | 43 | | (19.894.162.128) | (5.994.283.667) |
| - (-) Lãi vay đã trả | 44 | | (51.347.806.920) | (866.690.023) |
| - Tăng (giảm) phải trả cho người bán | 45 | | 503.221.956.109 | (379.864.230) |
| - Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên | 46 | | - | (845.000) |
| - Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm chi phí lãi vay phải trả) | 47 | | 12.336.112.416 | (2.166.049.717) |
| - Tăng (giảm) phải trả người lao động | 48 | | (7.323.767.478) | (1.521.320.000) |
| - Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác | 50 | | 165.762.025.464 | 63.874.722.783 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 60 | | (1.433.383.894.444) | 59.625.635.609 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác | 61 | | (12.657.501.950) | (3.534.967.100) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 70 | | (12.657.501.950) | (3.534.967.100) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 71 | | - | 39.600.000.000 |
| 2. Tiền vay gốc | 73 | | 1.000.000.000.000 | 91.400.850.772 |
| 2.1 Tiền vay khác | 73.2 | | 1.000.000.000.000 | 91.400.850.772 |
| 2. Tiền chi trả nợ gốc vay | 74 | | - | (46.569.350.772) |
| 2.1 Tiền chi trả gốc nợ vay khác | 74.3 | | - | (46.569.350.772) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 80 | | 1.000.000.000.000 | 84.431.500.000 |
| IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ | 90 | | (446.041.396.394) | 140.522.168.509 |
| V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ | 101 | V.1 | 1.002.117.958.872 | 117.115.839.349 |
| - Tiền | 101.1 | | 1.002.117.958.872 | 117.115.839.349 |
| V. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 103 | V.1 | 556.076.562.478 | 257.638.007.858 |
| - Tiền | 103.1 | | 556.076.562.478 | 257.638.007.858 |
| - Các khoản tương đương tiền | 103.2 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng | | | | |
| 1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng | 01 | | 11.705.890.958.328 | 285.511.861.900 |
| 2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng | 02 | | (12.652.079.539.117) | (521.447.031.000) |
| 3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng | 07 | | 12.979.108.131.060 | 560.641.004.098 |
| 4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng | 08 | | (11.787.407.378.337) | (315.214.867.386) |
| 5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng | 11 | | (671.876.717) | (324.813.598) |
| 6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán | 14 | | 15.435.169.716.051 | 2.582.779.731.840 |
| 7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán | 15 | | (15.463.169.716.051) | (2.598.979.731.840) |
| Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ | 20 | | 216.840.295.217 | (7.033.845.986) |
| II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng | 30 | | 182.001.020.004 | 29.627.572.793 |
| Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ: | 31 | | 182.001.020.004 | 29.627.572.793 |
| - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 32 | V.19g | 154.001.020.004 | 13.427.572.793 |
| Trong đó có kỳ hạn: | | | | |
| - Tiền gửi của Tổ chức phát hành | 35 | V.19f | 28.000.000.000 | 16.200.000.000 |
| III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30) | 40 | | 398.841.315.221 | 22.593.726.807 |
| Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ: | 41 | | 398.841.315.221 | 22.593.726.807 |
| - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 42 | V.19g | 398.841.315.221 | 22.593.726.807 |
| Trong đó có kỳ hạn: | | | | |
| - Tiền gửi của Tổ chức phát hành | 45 | V.19h | - | - |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2021



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối tài chính



NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

| CHI TIÊU | Thuyết minh | Số đầu năm | | Số tăng/ giảm | | Số cuối kỳ | |
|---|-------------|------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|
| | | Kỳ trước | Kỳ này | Tăng | Giảm | Kỳ trước | Kỳ này |
| | | Tăng | Giảm | Tăng | Giảm | Tăng | Giảm |
| I. Biến động vốn chủ sở hữu | | | | | | | |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | V.17 | 400.000.000.000 | 1.000.000.000.000 | 39.600.000.000 | - | 439.600.000.000 | 1.000.000.000.000 |
| 1.1. Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 400.000.000.000 | 1.000.000.000.000 | 39.600.000.000 | - | 439.600.000.000 | 1.000.000.000.000 |
| 2. Lợi nhuận chưa phân phối | V.18 | (128.749.980.001) | (39.483.984.042) | 41.465.360.497 | (3.436.226.784) | (90.720.846.288) | 111.128.698.430 |
| 2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện | | (132.214.676.633) | (45.270.770.467) | 41.465.360.497 | - | (90.749.316.136) | 103.800.203.915 |
| 2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện | | 3.464.696.632 | 5.786.786.425 | - | (3.436.226.784) | 28.469.848 | 7.328.494.515 |
| Cộng | | 271.250.019.999 | 960.516.015.958 | 81.065.360.497 | (3.436.226.784) | 348.879.153.712 | 1.111.128.698.430 |

II. Thu nhập toàn diện khác

Cộng



TRẦN SON HẢI
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối tài chính

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

MẪU B09-CTCK

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tên tiếng Anh là Tien Phong Securities Corporation, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp điều chỉnh các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 72/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 9 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 VND lên 120.000.000.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 100/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 VND lên 240.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 152/2010/GCNCP-VSD do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 02 tháng 7 năm 2010, chuẩn y chứng khoán của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã Chứng khoán là ORS. Ngày 12 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông đã chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2014, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Phan Vũ Tuấn, chức danh Chủ tịch HĐQT.
- Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2015, chuẩn y việc dời trụ sở về Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy phép điều chỉnh số 12/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 3 năm 2017, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Phạm Thị Quỳnh Trang, chức danh Chủ tịch Ban Tổng Giám đốc.
- Giấy phép điều chỉnh số 90/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 10 năm 2018, chuẩn y việc dời trụ sở về Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy phép điều chỉnh số 07/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 01 năm 2019, chuẩn y việc rút nghiệp vụ kinh doanh tự doanh chứng khoán.
- Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 3 năm 2019, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Trần Sơn Hải, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 18 tháng 4 năm 2019, chuẩn y việc các việc sau:
 - ✓ Thay đổi tên Công ty từ “Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông” thành “Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong”.
 - ✓ Tăng vốn điều lệ từ 240.000.000.000 VND lên 400.000.000.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 25 tháng 2 năm 2020, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Trần Sơn Hải, chức danh Tổng Giám đốc.
- Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 30 tháng 3 năm 2020, chuẩn y các việc sau:
 - ✓ Tăng vốn điều lệ từ 400.000.000.000 VND lên 439.600.000.000 VND.
 - ✓ Cấp phép bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 29 tháng 10 năm 2020, chuẩn y việc thay đổi vốn điều lệ từ 439.600.000.000 VND tăng lên 1.000.000.000.000 VND.

Cổ phiếu ORS của Công ty hủy niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 12 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định số 125/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vào ngày 10 tháng 4 năm 2019, cổ phiếu ORS của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 183/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCom) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ vào ngày 17 tháng 4 năm 2019 theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội số 376/TB-SGDHN ngày 10 tháng 4 năm 2019.

- **Vốn pháp định** : 250.000.000.000 VND
- **Vốn điều lệ** : 1.000.000.000.000 VND
 - Số cổ phiếu : 100.000.000 cổ phiếu
 - Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu
- **Trụ sở hoạt động**
 - Địa chỉ : Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Điện thoại : (84-028) 3911 8014
 - Fax : (84-028) 3911 8015
 - Mã số thuế : **0 3 0 4 8 1 4 3 3 9**
- **Chi nhánh**
 - Tên Chi nhánh : Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội
 - Địa chỉ : Tầng 12, DOJI Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Ngành, nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

3. Hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán

Theo Điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành về “Quy định về hoạt động của công ty chứng khoán” như sau:

- 1) Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- 2) Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- 3) Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- 4) Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - g) Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- 5) Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại Điểm c, d và đ Khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty thực hiện;

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
 - c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 42 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này và Điểm e Khoản 4 Điều này.
- 6) Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn một (01) năm.

4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2020.

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 187 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 125 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 thuộc kỳ kế toán năm thứ 15 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về “Sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210”, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán được trình bày tại Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính (ngoài bảng).

4. Tài sản tài chính

a) Phân loại tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại dựa trên bản chất và mục đích sở hữu vào ngày mua, bao gồm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Tài sản tài chính FVTPL bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL phát sinh sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu “Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL” nếu chênh lệch tăng, hoặc trên chỉ tiêu “Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL” nếu chênh lệch giảm.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phát sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phát sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán hoặc nhóm tài sản tài chính phi phát sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc xác định, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành áp dụng cho Công ty chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của khoản cho vay đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

b) Đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp nhận. Cụ thể:

- Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị ghi sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá chứng khoán.

c) **Ngừng ghi nhận tài sản tài chính**

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - + Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản; hoặc
 - + Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn chưa được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

5. **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu bao gồm phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, lãi dự thu về dịch vụ tài chính, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

Thời gian quá hạn

Mức trích dự phòng

| | |
|--|-----|
| Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm | 30% |
| Từ trên một (1) năm đến dưới hai (2) năm | 50% |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời gian quá hạn

Mức trích dự phòng

Từ trên hai (2) năm đến dưới ba (3) năm

70%

Từ ba (3) năm trở lên

100%

Tăng hoặc giảm dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

6. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Các hợp đồng mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Các hợp đồng bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là khoản tài sản trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại trong tương lai được ghi nhận là thu nhập lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại. Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty thực hiện.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Máy móc thiết bị | 3 - 5 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 |
| Thiết bị văn phòng | 3 |

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm tin học là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm tin học vào sử dụng. Các phần mềm tin học được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận khoán thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 5 năm vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng, bao gồm: chi phí cải tạo văn phòng, chi phí thuê đường truyền dẫn, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác.

11. Các khoản vay

Các khoản vay được công bố và trình bày theo giá gốc tại ngày Báo cáo tài chính.

12. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền ký quỹ Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán với Sở Giao dịch chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán còn bao gồm các khoản trả phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán và các khoản phải trả khác.

13. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn góp của chủ sở hữu từ phát hành cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.
- Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của CTCK (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu cổ tức cổ phiếu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi thực thu.

Doanh thu tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi ích mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí các năm trước; khoản nợ phải trả hay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại và các khoản thu nhập khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động bao gồm lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, chi phí hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chi phí dự phòng tài sản tài chính, chi phí đi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản thuộc danh mục đầu tư Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán, bao gồm: các tài sản tài chính FVTPL, các khoản đầu tư HTML, các khoản cho vay và phải thu

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm khi phát sinh.

Chi phí hoạt động tự doanh

Chi phí hoạt động tự doanh phản ánh các chi phí hoạt động của Công ty chứng khoán phát sinh khi tự tiến hành các dịch vụ mua bán các chứng khoán cho chính mình bằng nguồn vốn của chính Công ty chứng khoán.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn, chi phí hoạt động đầu giá, ủy thác, chi phí lưu ký chứng khoán và chi phí khác.

17. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

20. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|
| Tiền | | |
| Tiền mặt tại quỹ | 37.258.723 | 8.011.957 |
| Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK | 556.039.303.755 | 1.002.109.946.915 |
| Cộng | <u><u>556.076.562.478</u></u> | <u><u>1.002.117.958.872</u></u> |

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

| | <u>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</u> | <u>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</u> |
|--------------------------|---|---|
| a) Cửa CTCK | 90.509.631 | 3.450.576.633.680 |
| Cổ phiếu | 76.651.400 | 1.966.256.747.000 |
| Trái phiếu | 13.858.231 | 1.484.319.886.680 |
| b) Cửa Nhà đầu tư | 771.713.051 | 26.132.005.074.228 |
| Cổ phiếu | 703.848.829 | 19.326.129.213.080 |
| Trái phiếu | 66.697.722 | 6.801.256.396.148 |
| Chứng khoán khác | 1.166.500 | 4.619.465.000 |
| Cộng | <u><u>862.222.682</u></u> | <u><u>29.582.581.707.908</u></u> |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các loại tài sản tài chính

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Giá trị hợp lý |
| Cổ phiếu niêm yết | 225.428.333.600 | 224.451.599.180 | 292.015.659.250 | 291.390.918.650 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ | 803.400.000 | 618.000.000 | 803.400.000 | 587.100.000 |
| Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau | - | - | 13.625.783.138 | 14.206.920.000 |
| Ngân hàng TMCP Nam Việt | - | - | 141.592.000.000 | 141.592.000.000 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest | - | - | 21.985.250.000 | 22.502.550.000 |
| Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam | - | - | 114.000.000.000 | 112.500.000.000 |
| Công ty Cổ phần sữa Việt Nam | 34.743.200.000 | 34.370.080.000 | - | - |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát | 29.512.880.000 | 29.355.000.000 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Quân đội | 22.847.950.000 | 22.975.500.000 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín | 18.964.000.000 | 19.584.000.000 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt | 41.675.769.384 | 41.178.255.000 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Phương Đông | 12.119.050.000 | 11.840.990.000 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng | 64.751.490.000 | 64.524.870.000 | - | - |
| Các công ty khác | 10.594.216 | 4.904.180 | 9.226.112 | 2.348.650 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 145.900.000.000 | 144.150.000.000 | 143.000.000.000 | 143.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô Vĩnh Long | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Bất Động Sản C30 Tân Bình | 140.000.000.000 | 138.250.000.000 | 140.000.000.000 | 140.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Vinare | 2.900.000.000 | 2.900.000.000 | - | - |
| Trái phiếu niêm yết | 236.003.730.664 | 230.070.579.445 | - | - |
| Tổng Công ty Phát triển Đầu tư Kinh Bắc | 53.456.019.065 | 50.000.000.000 | - | - |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|--------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Giá trị hợp lý |
| Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc Tế | 91.154.803.549 | 91.458.021.454 | - | - |
| Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan | 91.392.908.050 | 88.612.557.991 | - | - |
| Trái phiếu chưa niêm yết | 408.962.678.979 | 406.148.701.838 | 16.041.650.828 | 16.100.000.000 |
| Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Land | - | - | 16.041.650.828 | 16.100.000.000 |
| Công ty TNHH DCT Partners Việt Nam | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 | - | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam | 202.134.000.000 | 200.000.000.000 | - | - |
| Các công ty khác | 6.828.678.979 | 6.148.701.838 | - | - |
| Chứng chỉ tiền gửi | 575.033.234.007 | 575.033.234.007 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 200.514.931.507 | 200.514.931.507 | - | - |
| Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt | 50.119.178.000 | 50.119.178.000 | - | - |
| Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam) | - | - | - | - |
| Chứng chỉ tiền gửi HomeCredit | 201.750.940.500 | 201.750.940.500 | - | - |
| | 122.648.184.000 | 122.648.184.000 | - | - |
| Cộng | 1.591.327.977.250 | 1.579.854.114.470 | 451.057.310.078 | 450.490.918.650 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------|-------------------|
| Tiền gửi có kỳ hạn | 500.000.000.000 | - |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành | 300.000.000.000 | - |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | 200.000.000.000 | - |
| Cộng | 500.000.000.000 | - |

Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại ngân hàng TMCP Tiên Phong với lãi suất 4,6%/năm và ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất 4,6%/năm.

c) Các khoản cho vay

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị hợp lý</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị hợp lý</u> |
| Cho vay hoạt động Margin | 691.641.624.841 | 691.641.624.841 | 23.283.332.086 | 23.283.332.086 |
| Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán | 118.093.616.080 | 118.093.616.080 | 104.533.851.414 | 104.533.851.414 |
| Cộng | 809.735.240.921 | 809.735.240.921 | 127.817.183.500 | 127.817.183.500 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

d) Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị trường cuối kỳ

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | | |
|--|---|------------------------|--------------------------|---|------------------------|--------------------------|------------------------|
| | Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này | Chênh lệch tăng | Chênh lệch đánh giá giảm | Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ trước | Chênh lệch tăng | Chênh lệch đánh giá giảm | Giá trị đánh giá lại |
| Tài sản tài chính FVTPL | 1.591.327.977.250 | 1.579.854.114.470 | 2.586.264.066 | (13.493.737.256) | 1.579.854.114.470 | 451.057.310.078 | 450.490.918.650 |
| <i>Cổ phiếu niêm yết</i> | <i>223.428.333.600</i> | <i>224.451.599.180</i> | <i>2.279.416.920</i> | <i>(2.631.410.740)</i> | <i>224.451.599.180</i> | <i>292.015.659.250</i> | <i>291.390.918.650</i> |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ | 803.400.000 | 618.000.000 | - | (185.400.000) | 618.000.000 | 803.400.000 | 587.100.000 |
| CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest | - | - | - | - | - | 13.625.783.138 | 14.206.920.000 |
| Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam | - | - | - | - | - | 21.985.250.000 | 22.502.550.000 |
| Ngân hàng TMCP Nam Việt | - | - | - | - | - | 141.592.000.000 | 141.592.000.000 |
| CTCP SUIA VIET NAM | 34.743.200.000 | 34.370.080.000 | - | (373.120.000) | 34.370.080.000 | - | - |
| CTCP Tập đoàn Hòa Phát | 29.512.880.000 | 29.355.000.000 | - | (157.880.000) | 29.355.000.000 | - | - |
| NGAN HANG TMCP QUAN DOI | 22.847.950.000 | 22.975.500.000 | 127.550.000 | - | 22.975.500.000 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin | 18.964.000.000 | 19.584.000.000 | 620.000.000 | - | 19.584.000.000 | - | - |
| NH TM CP Bưu điện Liên Việt | 41.675.769.384 | 41.178.255.000 | - | (497.514.384) | 41.178.255.000 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Phương Đông | 12.119.050.000 | 11.840.990.000 | - | (278.060.000) | 11.840.990.000 | - | - |
| NHMTM CP VN THINH VUONG | 64.751.490.000 | 64.524.870.000 | - | (226.620.000) | 64.524.870.000 | - | - |
| Các công ty khác | 10.594.216 | 4.904.180 | 1.531.866.920 | (912.816.356) | 4.904.180 | 9.226.112 | 2.348.650 |
| <i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i> | <i>145.900.000.000</i> | <i>144.150.000.000</i> | - | <i>(1.750.000.000)</i> | <i>144.150.000.000</i> | <i>143.000.000.000</i> | <i>143.000.000.000</i> |
| Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô Vĩnh Long | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 | - | - | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Bất Động Sản C30 Tân Bình | 140.000.000.000 | 138.250.000.000 | - | (1.750.000.000) | 138.250.000.000 | 140.000.000.000 | 140.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Vinare | 2.900.000.000 | 2.900.000.000 | - | - | 2.900.000.000 | - | - |
| <i>Trái phiếu niêm yết</i> | <i>236.003.730.664</i> | <i>230.070.579.445</i> | <i>303.217.905</i> | <i>(6.236.369.124)</i> | <i>230.070.579.445</i> | - | - |
| Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc | 53.456.019.065 | 50.000.000.000 | - | (3.456.019.065) | 50.000.000.000 | - | - |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | | |
|--|---|--------------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này | Chênh lệch tăng | Chênh lệch đánh giá giảm | Giá trị đánh giá lại | Chênh lệch tăng | Chênh lệch giảm | Giá trị đánh giá lại |
| Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc Tế | 91.154.803.549 | 91.458.021.454 | 303.217.905 | - | 91.458.021.454 | - | - |
| Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan | 91.392.908.050 | 88.612.557.991 | (2.780.350.059) | - | 88.612.557.991 | - | - |
| <i>Trái phiếu chưa niêm yết</i> | <i>408.962.678.979</i> | <i>406.148.701.838</i> | <i>3.629.241</i> | <i>3.629.241</i> | <i>406.148.701.838</i> | <i>58.349.172</i> | <i>16.100.000.000</i> |
| Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Land | - | - | - | - | - | 58.349.172 | 16.100.000.000 |
| Công ty TNHH DCT Partners Việt Nam | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 | - | - | 200.000.000.000 | - | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam | 202.134.000.000 | 200.000.000.000 | (2.134.000.000) | - | 200.000.000.000 | - | - |
| Các công ty khác | 6.828.678.979 | 6.148.701.838 | 3.629.241 | (741.957.392) | 6.148.701.838 | - | - |
| Chương chi tiền gửi | 575.033.234.007 | 575.033.234.007 | - | - | 575.033.234.007 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 200.514.931.507 | 200.514.931.507 | - | - | 200.514.931.507 | - | - |
| Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt | 50.119.178.000 | 50.119.178.000 | - | - | 50.119.178.000 | - | - |
| Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam) | 201.750.940.500 | 201.750.940.500 | - | - | 201.750.940.500 | - | - |
| Chứng chi tiền gửi HomeCredit | 122.648.184.000 | 122.648.184.000 | - | - | 122.648.184.000 | - | - |
| Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 500.000.000.000 | 500.000.000.000 | - | - | 500.000.000.000 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 | - | - | 300.000.000.000 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 | - | - | 200.000.000.000 | - | - |
| Các khoản cho vay | 809.735.240.921 | 809.735.240.921 | - | - | 809.735.240.921 | - | 127.817.183.500 |
| Cho vay hoạt động Margin | 691.641.624.841 | 691.641.624.841 | - | - | 691.641.624.841 | - | 23.283.332.086 |
| Cho vay hoạt động tăng trước tiền bán chứng khoán | 118.093.616.080 | 118.093.616.080 | - | - | 118.093.616.080 | - | 104.533.851.414 |
| Cộng | 2.901.063.218.171 | 2.889.589.355.391 | 2.586.264.066 | (13.493.737.256) | 2.889.589.355.391 | 1.157.580.027 | 578.308.102.150 |
| | | | | | | | (1.723.971.455) |
| | | | | | | | 578.308.102.150 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|-------------------------------|
| 4. Các khoản phải thu | | |
| a) Phải thu bán các tài sản tài chính | - | 695.000.000 |
| Phải thu bán các tài sản tài chính | - | 695.000.000 |
| b) Trả trước cho người bán | 12.777.632.520 | 512.551.667.980 |
| Công ty Cổ phần Sài Gòn Thủ Thiêm | - | 500.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần FINBASE | 2.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| Trả trước người bán khác | 10.777.632.520 | 6.551.667.980 |
| c) Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp | 13.519.346.721 | 62.742.833.058 |
| Phải thu hoạt động dịch vụ | 611.846.721 | 286.191.058 |
| Phải thu dịch vụ khác | 12.907.500.000 | 62.456.642.000 |
| d) Các khoản phải thu khác | 2.112.472.337 | 12.706.169.135 |
| Các khoản phải thu khác | 2.112.472.337 | 12.706.169.135 |
| Cộng | <u>28.409.451.578</u> | <u>588.695.670.173</u> |
| 5. Tạm ứng | | |
| Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ | - | 562.451.671 |
| Cộng | <u>-</u> | <u>562.451.671</u> |
| 6. Chi phí trả trước | | |
| a) Ngắn hạn | 7.616.500.155 | 1.090.385.434 |
| Chi phí thuê văn phòng | - | 131.891.760 |
| Chi phí sửa chữa | 3.804.463.361 | - |
| Chi phí Công cụ dụng cụ | 2.682.860.312 | 121.518.349 |
| Chi phí thuê đường truyền dẫn | 147.559.987 | 88.151.548 |
| Chi phí mua bảo hiểm tài sản | 465.175.370 | 87.808.382 |
| Các chi phí khác | 516.441.125 | 661.015.395 |
| b) Dài hạn | 4.720.726.709 | 5.501.756.869 |
| Chi phí cải tạo văn phòng | 3.024.141.396 | 3.819.852.990 |
| Chi phí vật dụng văn phòng | 1.584.268.155 | 1.551.047.115 |
| Chi phí thuê đường truyền dẫn | 25.302.250 | 27.283.750 |
| Các chi phí khác | 87.014.908 | 103.573.014 |
| Cộng | <u>12.337.226.864</u> | <u>6.592.142.303</u> |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| a) Ngắn hạn | 25.000.000 | 20.000.000 |
| Ký quỹ máy photocopy | 20.000.000 | 15.000.000 |
| Ký quỹ thuê kho | 5.000.000 | 5.000.000 |
| b) Dài hạn | 3.433.614.373 | 2.265.293.833 |
| Ký quỹ thuê văn phòng | 3.347.614.373 | 2.179.293.833 |
| Các khoản ký quỹ, ký cược khác | 86.000.000 | 86.000.000 |
| Cộng | 3.458.614.373 | 2.285.293.833 |

8. Tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị văn phòng | Cộng |
|-------------------------------|----------------------|---------------------|----------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 4.683.323.200 | 940.454.545 | 3.494.699.984 | 9.118.477.729 |
| Tăng trong năm | 4.319.049.400 | - | - | 4.319.049.400 |
| <i>Mua sắm mới</i> | <i>4.319.049.400</i> | - | - | <i>4.319.049.400</i> |
| Giảm trong năm | 270.600.000 | - | 689.303.020 | 959.903.020 |
| <i>Thanh lý, nhượng bán</i> | <i>270.600.000</i> | - | <i>689.303.020</i> | <i>959.903.020</i> |
| Số cuối năm | 8.731.772.600 | 940.454.545 | 2.805.396.964 | 12.477.624.109 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Số đầu năm | 1.453.182.720 | 940.454.545 | 3.494.699.984 | 5.888.337.249 |
| Tăng trong năm | 715.126.500 | - | - | 715.126.500 |
| <i>Khấu hao trong năm</i> | <i>715.126.500</i> | - | - | <i>715.126.500</i> |
| Giảm trong năm | 186.037.500 | - | 689.303.020 | 875.340.520 |
| <i>Thanh lý, nhượng bán</i> | <i>186.037.500</i> | - | <i>689.303.020</i> | <i>875.340.520</i> |
| Số cuối năm | 1.982.271.720 | 940.454.545 | 2.805.396.964 | 5.728.123.229 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 3.230.140.480 | - | - | 3.230.140.480 |
| Số cuối năm | 6.749.500.880 | - | - | 6.749.500.880 |

Nguyên giá của thiết bị văn phòng bao gồm các phương tiện vận tải và thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 lần lượt là 940.454.545 VND và 2.805.396.964 VND (phương tiện vận tải và thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 lần lượt là 940.454.545 VND và 3.494.699.984 VND).

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị các phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán của Công ty, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------|-----------------------|----------------------|
| Nguyên giá | 17.756.291.564 | 10.953.787.564 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | (7.655.547.155) | (7.227.530.379) |
| Giá trị còn lại | 10.100.744.409 | 3.726.257.185 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá của phần mềm giao dịch chứng khoán bao gồm phần mềm đã hết khấu-hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 7.174.617.564 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 7.013.017.564 VND).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|----------------------|--------------------|
| Nâng cấp hệ thống lõi chứng khoán InvestExp V4.0 | 1.713.383.959 | 425.882.609 |
| Hệ thống PCCC FM 2020 của Phòng Server | 248.447.200 | - |
| Cộng | 1.961.831.159 | 425.882.609 |

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo chế độ kế toán của Công ty cho mục đích lập Báo cáo tài chính:

| | | |
|--|-----------------------|----------------------|
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 19.319.611.946 | 6.584.616.106 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL | 2.698.747.451 | 354.391.380 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng | - | - |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến doanh thu chưa thực hiện | 16.620.864.495 | 6.230.224.726 |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | (517.252.813) | (231.438.253) |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL | (517.252.813) | (231.438.253) |
| | 18.802.359.133 | 6.353.177.853 |

12. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

| | | |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền nộp ban đầu | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Tiền nộp bổ sung | 4.257.982.988 | 4.168.916.260 |
| Mức đóng góp theo doanh số | 456.933.958 | 50.208.981 |
| Tiền lãi phân bổ | (276.955.794) | (238.098.047) |
| Cộng | 4.557.961.152 | 4.101.027.194 |

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Số phải nộp | Số đã nộp | Số cuối kỳ |
|---|-----------------|----------------|----------------|----------------|
| Thuế GTGT đầu ra | 37.524.324 | 45.773.237 | 75.357.927 | 7.939.634 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | (2.165.506.202) | 37.287.243.596 | 19.894.162.128 | 15.227.575.266 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 7.085.069.950 | 70.311.314.123 | 57.945.617.017 | 19.450.767.056 |
| Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư | 4.661.928.949 | 56.708.359.981 | 45.081.748.873 | 16.288.540.057 |
| Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên | 2.423.141.001 | 13.602.954.142 | 12.863.868.144 | 3.162.226.999 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Số đầu năm | Số phải nộp | Số đã nộp | Số cuối kỳ |
|---------------------|----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Các loại thuế khác | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - |
| <i>Thuế môn bài</i> | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - |
| Cộng | 4.957.088.072 | 107.647.330.956 | 77.918.137.072 | 34.686.281.956 |

Trình bày:

| | | |
|---------------|----------------------|-----------------------|
| Thuế phải thu | 2.165.506.202 | - |
| Thuế phải nộp | <u>7.122.594.274</u> | <u>34.686.281.956</u> |

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng

- Hoạt động chính của Công ty không thuộc diện chịu thuế GTGT
- Hoạt động khác chịu thuế suất 10%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.10

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế môn bài hàng năm theo qui định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí hoạt động môi giới | - | 9.086.456.367 |
| Phí giao dịch, lưu ký | 2.019.268.144 | 992.335.319 |
| Chi phí hoa hồng môi giới sơ cấp, thứ cấp | 16.632.631.155 | 12.771.370.716 |
| Chi phí lãi trái phiếu | 25.521.525.974 | 9.930.958.904 |
| Các chi phí khác | 4.084.899.698 | 784.132.363 |
| Cộng | <u>48.258.324.971</u> | <u>33.565.253.669</u> |

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải trả cổ tức, trái tức | 1.472.847.159 | 1.626.040.159 |
| <i>Phải trả cổ tức cho cổ đông Công ty</i> | <i>19.412.500</i> | <i>19.412.500</i> |
| <i>Phải trả hộ cổ tức cổ phiếu chưa niêm yết</i> | <i>1.453.434.659</i> | <i>1.606.627.659</i> |
| Phải trả tiền chờ giao dịch trái phiếu | 104.098.816.606 | 93.615.259.501 |
| Phải trả tổ chức phát hành | 81.511.717.414 | - |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 28.632.728.414 | 6.665.983.316 |
| Cộng | <u>215.716.109.593</u> | <u>101.907.282.976</u> |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Trái phiếu phát hành dài hạn

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|----------------------------------|--------------------------|----------|----------|--------------------------|----------|----------|
| | Giá trị | Lãi suất | Kỳ hạn | Giá trị | Lãi suất | Kỳ hạn |
| Trái phiếu phát hành | | | | | | |
| Loại phát hành theo mệnh giá (i) | 2.000.000.000.000 | 9,20% | 36 tháng | 1.000.000.000.000 | 9,20% | 36 tháng |
| Cộng | 2.000.000.000.000 | | | 1.000.000.000.000 | | |

(i) Trái phiếu phát hành theo từng lần như sau:

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.01 với tổng giá trị là 200.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 1.000.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 10 tháng 8 năm 2020.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.02 với tổng giá trị là 200.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 1.000.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 17 tháng 8 năm 2020.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.03 với tổng giá trị là 100.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 1.000.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 20 tháng 8 năm 2020.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.04 với tổng giá trị là 250.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 1.000.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 31 tháng 8 năm 2020.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.05 với tổng giá trị là 250.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 1.000.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 7 tháng 9 năm 2020.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2021.01 với tổng giá trị là 1.000.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 1.000.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 5 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi mỗi năm 3 tháng 1 lần.

Trong kỳ, lãi trái phiếu được ghi nhận vào chi phí tài chính

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vốn góp của chủ sở hữu**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Vốn góp của các cổ đông | 1.000.000.000.000 | 1.000.000.000.000 |
| Cộng | 1.000.000.000.000 | 1.000.000.000.000 |
| Cổ phiếu | | |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 100.000.000 | 100.000.000 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>100.000.000</i> | <i>100.000.000</i> |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | - | - |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 100.000.000 | 100.000.000 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>100.000.000</i> | <i>100.000.000</i> |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

18. Lợi nhuận chưa phân phối

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------|-------------------------|
| Lỗ lũy kế đầu năm | (39.483.984.042) | (128.749.980.001) |
| Lợi nhuận (lỗ) đã thực hiện trong năm/ kỳ | 149.070.974.382 | 86.943.906.166 |
| Lợi nhuận (lỗ) chưa thực hiện trong năm/kỳ | 1.541.708.090 | 2.322.089.793 |
| Lãi (+)/Lỗ(-) lũy kế cuối năm/ kỳ | 111.128.698.430 | (39.483.984.042) |

19. Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính**a) Nợ khó đòi đã xử lý**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến hạn | 488.049.164 | 488.049.164 |
| Phải thu các cá nhân theo hợp đồng hỗ trợ thanh toán | 37.510.206.284 | 37.510.206.284 |
| Phải thu khác khó đòi - Vụ án bà Huỳnh Thị Huyền Như | 370.195.050.072 | 370.195.050.072 |
| Phải thu khác khó đòi | 41.529.999 | 41.529.999 |
| Cộng | 408.234.835.519 | 408.234.835.519 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) của CTCK (theo mệnh giá)**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------|-----------------------|------------------------|
| Sàn HNX | 1.197.650.000 | 167.457.000.000 |
| Sàn HOSE | 62.085.990.000 | 59.136.940.000 |
| Sàn Upcom | 624.330.000 | 624.330.000 |
| Cộng | 63.907.970.000 | 227.218.270.000 |

c) Tài sản tài chính chờ về của CTCK

| | | |
|-------------|------------------------|----------------------|
| Cổ phiếu | 214.124.500.000 | 1.511.500.000 |
| Cộng | 214.124.500.000 | 1.511.500.000 |

d) Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

| | | |
|---------------------------------------|--------------------------|-----------------------|
| Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD | 1.066.081.934.007 | 98.100.000.000 |
| Cộng | 1.066.081.934.007 | 98.100.000.000 |

e) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

| | | |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng | 3.688.058.830.000 | 1.113.855.545.000 |
| Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ | 2.586.485.540.000 | 1.966.554.330.000 |
| Tài sản tài chính chờ thanh toán | 81.301.000.000 | 26.645.910.000 |
| Cộng | 6.355.845.370.000 | 3.107.055.785.000 |

f) Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

| | | |
|-------------|------------------------|-----------------------|
| Cổ phiếu | 127.762.530.000 | 24.349.090.000 |
| Cộng | 127.762.530.000 | 24.349.090.000 |

g) Tiền gửi của Nhà đầu tư

| | | |
|---|------------------------|------------------------|
| Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 398.841.315.221 | 154.001.020.004 |
| Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 398.237.173.105 | 153.425.112.018 |
| Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 604.142.116 | 575.907.986 |
| Cộng | 398.841.315.221 | 154.001.020.004 |

h) Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán

| | | |
|---|----------|-----------------------|
| Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành | - | 28.000.000.000 |
| Cộng | - | 28.000.000.000 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| i) Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | | |
| Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 398.237.173.105 | 153.425.112.018 |
| Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 604.142.116 | 575.907.986 |
| Cộng | <u>398.841.315.221</u> | <u>154.001.020.004</u> |
| j) Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán | | |
| Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán | - | 28.000.000.000 |
| Cộng | <u>-</u> | <u>28.000.000.000</u> |
| k) Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | | |
| Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành | 1.453.434.659 | 1.606.627.659 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính: VND

1. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

| Stt | Danh mục các khoản đầu tư | Số lượng bán | Giá bán | Tổng giá trị bán | Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch | Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay | Lãi, lỗ bán chứng khoán Kỳ trước |
|-----|---------------------------|--------------|---------|------------------|--|---------------------------------|----------------------------------|
| I. | Lãi bán | | | | | 63.670.467.230 | - |
| | Cổ phiếu niêm yết | | | 731.370.895.000 | 667.700.427.770 | 63.670.467.230 | - |
| | Kỳ này | | | | | | |
| | CTI | 173.600 | 18.898 | 3.280.650.000 | 2.815.600.000 | 465.050.000 | - |
| | ACB | 230.000 | 35.200 | 8.096.000.000 | 7.636.910.000 | 459.090.000 | - |
| | CTG | 354.200 | 51.422 | 18.213.720.000 | 18.109.900.000 | 103.820.000 | - |
| | DCM | 3.286.900 | 16.242 | 53.387.465.000 | 43.775.231.034 | 9.612.233.966 | - |
| | HPG | 1.020.000 | 61.709 | 62.943.660.000 | 58.358.000.000 | 4.585.660.000 | - |
| | HSG | 1.615.600 | 41.057 | 66.331.960.000 | 59.061.855.000 | 7.270.105.000 | - |
| | LPB | 4.273.900 | 32.245 | 137.811.910.000 | 127.269.285.616 | 10.542.624.384 | - |
| | MBB | 452.600 | 34.607 | 15.662.945.000 | 13.672.510.000 | 1.990.435.000 | - |
| | MSB | 600.000 | 28.164 | 16.898.645.000 | 16.729.910.000 | 168.735.000 | - |
| | KBC | 200.000 | 45.226 | 9.045.100.000 | 6.975.000.000 | 2.070.100.000 | - |
| | NVL | 90.000 | 75.836 | 6.825.240.000 | 6.007.000.000 | 818.240.000 | - |
| | OCB | 519.000 | 30.466 | 15.812.100.000 | 15.431.150.000 | 380.950.000 | - |
| | SBT | 1.250.000 | 23.076 | 28.844.660.000 | 28.609.280.000 | 235.380.000 | - |
| | SSB | 100.000 | 27.560 | 2.756.030.000 | 2.015.000.000 | 741.030.000 | - |
| | STB | 6.270.300 | 28.665 | 179.739.320.000 | 167.367.725.000 | 12.371.595.000 | - |
| | SJF | 4.000 | 28.665 | 16.880.000 | 16.771.120 | 108.880 | - |
| | VIC | 500.000 | 127.109 | 63.554.610.000 | 55.668.520.000 | 7.886.090.000 | - |
| | VPB | 500.000 | 67.500 | 33.750.000.000 | 30.325.000.000 | 3.425.000.000 | - |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Stt | Danh mục các khoản đầu tư | Số lượng bán | Giá bán | Tổng giá trị bán | Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch | Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay | Lãi, lỗ bán chứng khoán Kỳ trước |
|-----|---------------------------------|--------------|---------|--------------------------|--|---------------------------------|----------------------------------|
| | TCB | 240.000 | 35.000 | 8.400.000.000 | 7.855.780.000 | 544.220.000 | - |
| | Trái phiếu niêm yết | | | | | 137.259.923 | - |
| | <i>Kỳ này</i> | | | 534.397.779.451 | 534.260.519.528 | 137.259.923 | - |
| | ANC11601 | 1.844.021 | 100.874 | 186.013.001.042 | 186.007.620.387 | 5.380.655 | - |
| | KBC12006 | 486.382 | 106.917 | 52.002.504.294 | 52.000.753.319 | 1.750.975 | - |
| | MSR118001 | 875.025 | 103.040 | 90.162.576.000 | 90.157.325.850 | 5.250.150 | - |
| | VHM11801 | 959.381 | 103.809 | 99.592.698.115 | 99.475.819.972 | 116.878.143 | - |
| | TD2035026 | 1.000.000 | 106.627 | 106.627.000.000 | 106.619.000.000 | 8.000.000 | - |
| | Trái phiếu chưa niêm yết | | | | | 6.928.304.888 | - |
| | <i>Kỳ này</i> | | | 2.559.828.636.987 | 2.552.900.332.099 | 6.928.304.888 | - |
| | KHL.2020.01 | 405.000 | 100.000 | 40.500.000.000 | 40.487.122.186 | 12.877.814 | - |
| | NNHP.2020.01 | 283.020 | 107.060 | 30.300.000.000 | 30.134.428.954 | 165.571.046 | - |
| | WDL.2020.01 | 657.932 | 100.193 | 65.920.000.000 | 65.657.411.299 | 262.588.701 | - |
| | SST.2020.01 | 1.656.450 | 100.123 | 165.849.000.000 | 164.840.928.517 | 1.008.071.483 | - |
| | XDC.2020.01 | 1.555.229 | 100.281 | 155.960.000.000 | 154.793.712.268 | 1.166.287.732 | - |
| | SAM.2020.01 | 565.250 | 100.168 | 56.620.000.000 | 55.967.811.844 | 652.188.156 | - |
| | CII.2020.01 | 549.895 | 100.019 | 55.000.000.000 | 54.897.253.787 | 102.746.213 | - |
| | CI052022 | 54.500 | 100.000 | 5.450.000.000 | 5.448.888.110 | 1.111.890 | - |
| | CI072022 | 4.966 | 100.685 | 500.000.000 | 499.208.023 | 791.977 | - |
| | CI102021 | 57.529 | 100.819 | 5.800.000.000 | 5.766.999.406 | 33.000.594 | - |
| | HTL.2019.02 | 697.000 | 100.000 | 69.700.000.000 | 69.587.926.594 | 112.073.406 | - |
| | HTL.2019.04 | 168.000 | 100.000 | 16.800.000.000 | 16.761.419.952 | 38.580.048 | - |
| | HTL.2019.07 | 103.000 | 100.000 | 10.300.000.000 | 10.290.456.576 | 9.543.424 | - |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIẾN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Stt | Danh mục các khoản đầu tư | Số lượng bán | Giá bán | Tổng giá trị bán | Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch | Lãi, lỗ bán chứng khoán năm này | Lãi, lỗ bán chứng khoán Kỳ trước |
|-----|---------------------------|--------------|-------------|------------------|--|---------------------------------|----------------------------------|
| | HTL.2020.01 | 932.000 | 100.000 | 93.200.000.000 | 93.189.632.872 | 10.367.128 | - |
| | HTL.2020.06 | 258 | 100.000.000 | 25.800.000.000 | 25.721.219.447 | 78.780.553 | - |
| | HTL.2020.06.01 | 5 | 100.000.000 | 500.000.000 | 491.637.529 | 8.362.471 | - |
| | TNE.2020.01 | 44.295 | 101.592 | 4.500.000.000 | 4.444.417.390 | 55.582.610 | - |
| | PKĐSG.2020.01 | 1.353.000 | 100.000 | 135.300.000.000 | 134.892.749.457 | 407.250.543 | - |
| | TCD.2020.01 | 981.695 | 100.009 | 98.178.000.000 | 97.836.292.404 | 341.707.596 | - |
| | PTC.2020.01 | 2.353.980 | 100.309 | 236.125.000.000 | 234.808.848.512 | 1.316.151.488 | - |
| | GTP.2021.01 | 3.000.000 | 100.026 | 300.078.082.192 | 300.000.000.000 | 78.082.192 | - |
| | GTP.2021.02 | 2.000.000 | 100.026 | 200.052.054.795 | 200.000.000.000 | 52.054.795 | - |
| | BCGL.2019.01 | 324.386 | 100.806 | 32.700.000.000 | 32.464.871.373 | 235.128.627 | - |
| | BCGL.2021.01 | 219.751 | 102.393 | 22.501.000.000 | 22.487.908.589 | 13.091.411 | - |
| | GKC.2021.01 | 579.378 | 100.021 | 57.950.000.000 | 57.788.519.258 | 161.480.742 | - |
| | DGT.2019 | 5.000 | 100.000 | 500.000.000 | 496.888.904 | 3.111.096 | - |
| | SMN.2020.03 | 77.324 | 102.297 | 7.910.000.000 | 7.855.390.827 | 54.609.173 | - |
| | SMN.2020.05 | 16.000 | 101.125 | 1.618.000.000 | 1.597.333.381 | 20.666.619 | - |
| | SMN.2020.07 | 10.000 | 101.120 | 1.011.200.000 | 1.003.225.376 | 7.974.624 | - |
| | HNG.2020.01 | 171 | 100.000.000 | 17.100.000.000 | 17.080.453.008 | 19.546.992 | - |
| | HQN.2021.03 | 33.051 | 105.897 | 3.500.000.000 | 3.499.276.256 | 723.744 | - |
| | BOND.BHBC2124001 | 1.000.000 | 100.192 | 100.192.000.000 | 100.144.000.000 | 48.000.000 | - |
| | BOND.BKPCB2124001 | 1.200.000 | 100.168 | 120.201.600.000 | 120.069.600.000 | 132.000.000 | - |
| | BOND.BVB122022 | 400.000 | 100.058 | 40.023.200.000 | 40.000.000.000 | 23.200.000 | - |
| | BOND.CREB2124001 | 1.000.000 | 100.169 | 100.169.000.000 | 100.121.000.000 | 48.000.000 | - |
| | BOND.HAACB2124001 | 1.500.000 | 101.026 | 151.539.500.000 | 151.435.500.000 | 104.000.000 | - |
| | BOND.TNGCB2124001 | 1.300.000 | 100.370 | 130.481.000.000 | 130.338.000.000 | 143.000.000 | - |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Stt | Danh mục các khoản đầu tư | Số lượng bán | Giá bán | Tổng giá trị bán | Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch | Lãi, lỗ bán chứng khoán năm này | Lãi, lỗ bán chứng khoán Kỳ trước |
|-----|---------------------------|--------------|----------------|------------------------|--|---------------------------------|----------------------------------|
| | Kỳ trước | | | 305.700.000.000 | 304.595.363.714 | - | 1.104.636.286 |
| | BOND.BCGL.2019.01 | 664 | 100.000.000 | 66.400.000.000 | 65.895.452.423 | - | 504.547.577 |
| | CIH052022 | 1.546 | 100.000.000 | 154.600.000.000 | 154.300.756.155 | - | 299.243.845 |
| | CIH102021 | 26 | 100.000.000 | 2.600.000.000 | 2.595.781.012 | - | 4.218.988 |
| | BOND.HTL.2019.04 | 16 | 100.000.000 | 1.600.000.000 | 1.593.076.921 | - | 6.923.079 |
| | BOND.HTL.2019.07 | 805 | 100.000.000 | 80.500.000.000 | 80.210.297.203 | - | 289.702.797 |
| | Chứng chỉ tiền gửi | | | | | 1.565.588.176 | - |
| | Kỳ này | | | 756.248.924.970 | 754.683.336.794 | 1.565.588.176 | - |
| | OTC-CCTG-2020.01.58-CN06 | 1.000 | 100.000.000 | 100.000.000.000 | 98.925.452.000 | 1.074.548.000 | - |
| | OTC-CCTG-9057.CN1.1.6 | 100.000 | 1.012.387 | 101.238.700.000 | 101.205.400.000 | 33.300.000 | - |
| | OTC-CCTG-9057.CN1.2.4 | 100.000 | 1.012.387 | 101.238.700.000 | 101.205.400.000 | 33.300.000 | - |
| | OTC-CCTG-CD05.2020.002 | 200 | 1.003.100.357 | 200.620.071.345 | 200.543.150.685 | 76.920.660 | - |
| | OTC-CCTG-DEA0616045 | 1 | 72.182.536.686 | 72.182.536.686 | 72.147.945.205 | 34.591.481 | - |
| | OTC-CCTG-DEA0634392 | 1 | 30.121.793.939 | 30.121.793.939 | 30.107.358.904 | 14.435.035 | - |
| | OTC-CCTG-MAFC/2021/04-2 | 500 | 101.595.616 | 50.797.808.000 | 50.548.630.000 | 249.178.000 | - |
| | OTC-CCTG-MAFC/2021/18 | 1.000 | 100.049.315 | 100.049.315.000 | 100.000.000.000 | 49.315.000 | - |
| | Cộng | | | 100.049.315.000 | 100.000.000.000 | 72.301.620.217 | 1.104.636.286 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Stt | Danh mục các khoản đầu tư | Số lượng bán | Giá bán | Tổng giá trị bán | Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch | Lãi, lỗ bán chứng khoán năm này | Lãi, lỗ bán chứng khoán Kỳ trước |
|-----|---------------------------------|-------------------|-------------|--------------------------|--|---------------------------------|----------------------------------|
| | Lỗ bán | | | | | | |
| | Cổ phiếu niêm yết | | | | | | |
| | <i>Kỳ này</i> | | | | | | |
| | BVH | 36.000 | 62.450 | 37.709.809.000 | 40.965.158.155 | (3.255.349.155) | - |
| | SBT | 311.000 | 19.407 | 2.248.190.000 | 2.314.000.000 | (65.810.000) | - |
| | DCM | 100 | 17.101 | 6.035.665.000 | 6.883.090.000 | (847.425.000) | - |
| | SJF | 4.000 | 4.220 | 1.930.000 | 1.930.015 | (15) | - |
| | SCR | 3.518.200 | 8.359 | 16.880.000 | 17.200.140 | (320.140) | - |
| | Trái phiếu niêm yết | | | | | | |
| | <i>Kỳ này</i> | | | | | | |
| | TD1429094 | 500.000 | 155.631 | 29.407.144.000 | 31.748.938.000 | (2.341.794.000) | - |
| | ANC11601 | 118.968 | 100.871 | 149.640.421.128 | 149.673.435.910 | (26.014.782) | (7.000.000) |
| | <i>Kỳ trước</i> | | | | | | |
| | TD1727396 | 500.000 | 119.649 | 89.815.921.128 | 89.841.935.910 | (26.014.782) | - |
| | Trái phiếu chưa niêm yết | | | | | | |
| | <i>Kỳ này</i> | | | | | | |
| | KHL.2020.01 | 790.000 | 100.007 | 77.815.500.000 | 77.841.500.000 | (26.000.000) | - |
| | KTE.2019.01 | 150 | 103.024.658 | 12.000.421.128 | 12.000.435.910 | (14.782) | - |
| | NNHP.2020.01 | 578.214 | 136.974 | 59.824.500.000 | 59.831.500.000 | - | (7.000.000) |
| | WDL.2020.01 | 2.712.298 | 100.273 | 59.824.500.000 | 59.831.500.000 | - | (7.000.000) |
| | BCGL.2019.01 | 1.377.602 | 100.291 | | | | |
| | BCGL.2021.01 | 2.780.890 | 102.845 | | | | |
| | GKC.2021.01 | 2.446.222 | 100.000 | | | | |
| | Kỳ này | 30.505.023 | | 3.390.225.663.795 | 3.472.455.814.182 | (82.230.150.387) | (263.798.044) |
| | KHL.2020.01 | 790.000 | 100.007 | 79.005.900.000 | 79.624.866.098 | (618.966.098) | - |
| | KTE.2019.01 | 150 | 103.024.658 | 15.453.698.700 | 15.777.366.407 | (323.667.707) | - |
| | NNHP.2020.01 | 578.214 | 136.974 | 79.200.000.000 | 79.740.401.551 | (540.401.551) | - |
| | WDL.2020.01 | 2.712.298 | 100.273 | 271.970.000.000 | 281.255.938.652 | (9.285.938.652) | - |
| | BCGL.2019.01 | 1.377.602 | 100.291 | 138.161.300.000 | 140.586.873.070 | (2.425.573.070) | - |
| | BCGL.2021.01 | 2.780.890 | 102.845 | 286.001.100.000 | 292.663.402.320 | (6.662.302.320) | - |
| | GKC.2021.01 | 2.446.222 | 100.000 | 244.621.739.715 | 246.681.366.562 | (2.059.626.847) | - |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Stt | Danh mục các khoản đầu tư | Số lượng bán | Giá bán | Tổng giá trị bán | Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch | Lãi, lỗ bán chứng khoán năm này | Lãi, lỗ bán chứng khoán Kỳ trước |
|-----|---------------------------|--------------|-------------|-----------------------|--|---------------------------------|----------------------------------|
| | SST.2020.01 | 111.050 | 100.227 | 11.130.200.000 | 11.136.866.676 | (6.666.676) | - |
| | SAM.2020.01 | 812.222 | 100.266 | 81.438.561.584 | 84.076.476.907 | (2.637.915.323) | - |
| | DGT.2019 | 23.356 | 1.871.040 | 43.700.000.000 | 44.049.146.940 | (349.146.940) | - |
| | CIH.2020.01 | 556.092 | 100.163 | 55.700.000.000 | 57.415.946.607 | (1.715.946.607) | - |
| | CIH52022 | 2.651.458 | 99.994 | 265.129.100.000 | 273.745.156.623 | (8.616.056.623) | - |
| | CIH72022 | 1.017.000 | 100.000 | 101.700.000.000 | 102.764.409.704 | (1.064.409.704) | - |
| | CIH102021 | 825.550 | 100.055 | 82.600.000.000 | 83.236.096.360 | (636.096.360) | - |
| | HTL.2019.02 | 469.000 | 100.000 | 46.900.000.000 | 47.028.648.903 | (128.648.903) | - |
| | HTL.2019.04 | 7.393.000 | 100.587 | 743.638.483.796 | 766.199.312.241 | (22.560.828.445) | - |
| | HTL.2019.07 | 2.502.556 | 100.006 | 250.270.000.000 | 256.248.454.384 | (5.978.454.384) | - |
| | HTL.2020.01 | 1.676.000 | 100.000 | 167.600.000.000 | 170.226.639.175 | (2.626.639.175) | - |
| | TCD.2020.01 | 156.665 | 100.000 | 15.666.500.000 | 15.700.611.238 | (34.111.238) | - |
| | PTC.2020.01 | 779.588 | 100.407 | 78.276.250.000 | 81.404.762.508 | (3.128.512.508) | - |
| | HNG.2020.01 | 2.473 | 100.000.000 | 247.300.000.000 | 256.423.328.959 | (9.123.328.959) | - |
| | XDC.2020.01 | 388.579 | 100.682 | 39.122.900.000 | 40.156.976.319 | (1.034.076.319) | - |
| | SMN.2020.03 | 422.676 | 100.004 | 42.269.500.000 | 42.939.904.468 | (670.404.468) | - |
| | SMN.2020.05 | 4.000 | 100.000 | 400.000.000 | 401.076.496 | (1.076.496) | - |
| | TNE.2020.01 | 705 | 99.901 | 70.430.000 | 70.987.447 | (557.447) | - |
| | PKDSG.2020.01 | 5.000 | 100.000 | 500.000.000 | 500.073.823 | (73.823) | - |
| | HQN.2021.03 | 22.677 | 105.834 | 2.400.000.000 | 2.400.723.745 | (723.745) | - |
| | Kỳ trước | | | 7.000.000.000 | 7.263.798.044 | - | (263.798.044) |
| | CIH72022 | 60 | 100.000.000 | 6.000.000.000 | 6.242.050.269 | - | (242.050.269) |
| | BOND.HTL.2019.04 | 10 | 100.000.000 | 1.000.000.000 | 1.021.747.775 | - | (21.747.775) |
| | Chứng chỉ tiền gửi | | | 50.000.000.000 | 50.579.726.000 | (579.726.000) | - |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Stt | Danh mục các khoản đầu tư | Số lượng bán | Giá bán | Tổng giá trị bán | Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch | Lãi, lỗ bán chứng khoán năm này | Lãi, lỗ bán chứng khoán Kỳ trước |
|-----|---------------------------|--------------|-------------|-----------------------|--|---------------------------------|----------------------------------|
| | Kỳ này | | | 50.000.000.000 | 50.579.726.000 | (579.726.000) | - |
| | OTC-CCTG-MAFC/2021/06-2 | 500 | 100.000.000 | 50.000.000.000 | 50.579.726.000 | (579.726.000) | - |
| | Cộng | | | | | (86.091.240.324) | (270.798.044) |

2. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

| Stt | Danh mục các khoản đầu tư | Giá trị mua theo số kế toán | Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý | Chênh lệch đánh giá lại kỳ này | Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước | Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này | Chênh lệch tăng | Chênh lệch giảm |
|------------|--|-----------------------------|------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|---|----------------------|-------------------------|
| I | Loại FVTPL | 1.591.327.977.250 | 1.579.854.114.470 | (11.473.862.780) | (566.391.428) | (10.907.471.352) | 2.586.264.066 | (13.493.737.256) |
| 1 | Cổ phiếu niêm yết | 225.428.333.600 | 224.451.599.180 | (976.734.420) | (624.740.600) | (351.993.820) | 2.279.416.920 | (2.631.410.740) |
| 2 | Trái phiếu niêm yết | 236.003.730.664 | 230.070.579.445 | (5.933.151.219) | - | (5.933.151.219) | 303.217.905 | (6.236.369.124) |
| 3 | Cổ phiếu chưa niêm yết | 145.900.000.000 | 144.150.000.000 | (1.750.000.000) | - | (1.750.000.000) | - | (1.750.000.000) |
| 4 | Trái phiếu chưa niêm yết | 408.962.678.979 | 406.148.701.838 | (2.813.977.141) | 58.349.172 | (2.872.326.313) | 3.629.241 | (2.875.957.392) |
| 5 | Chứng chỉ tiền gửi | 575.033.234.007 | 575.033.234.007 | - | - | - | - | - |
| II | Loại HTM | 500.000.000.000 | 500.000.000.000 | - | - | - | - | - |
| | Tiền gửi có kỳ hạn | 500.000.000.000 | 500.000.000.000 | - | - | - | - | - |
| III | Các khoản cho vay | 809.735.240.921 | 809.735.240.921 | - | - | - | - | - |
| | Cho vay hoạt động Margin | 691.641.624.841 | 691.641.624.841 | - | - | - | - | - |
| | Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán | 118.093.616.080 | 118.093.616.080 | - | - | - | - | - |
| | Cộng | 2.901.063.218.171 | 2.889.589.355.391 | (11.473.862.780) | (566.391.428) | (10.907.471.352) | 2.586.264.066 | (13.493.737.256) |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|----------------------------------|-----------------------|--------------------|
| Từ tài sản tài chính FVTPL | 33.786.155.460 | 22.340.651 |
| Từ các khoản đầu tư HTM | 7.835.616 | 5.753.425 |
| Từ các khoản cho vay và phải thu | 13.259.946.678 | 135.578.223 |
| Cộng | 47.053.937.754 | 163.672.299 |

4. Doanh thu ngoài thu nhập TSTC

| | | |
|---|------------------------|------------------------|
| Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán | 34.654.156.643 | 4.601.728.182 |
| Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán | 5.826.918.458 | - |
| Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | 74.456.444.992 | 8.315.313.598 |
| Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính | 303.425.000.000 | 135.995.205.479 |
| Doanh thu khác | 588.312.794 | 1.032.000.000 |
| Cộng | 418.950.832.887 | 149.944.247.259 |

5. Chi phí các dịch vụ

| | | |
|--------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Chi phí hoạt động tự doanh | 5.000.000 | 144.000.000 |
| Chi phí môi giới chứng khoán | 23.713.120.034 | 4.009.290.931 |
| Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | 45.620.152.604 | 354.492.580 |
| Chi phí hoạt động tư vấn tài chính | 93.608.962.755 | 80.391.785.934 |
| Cộng | 162.947.235.393 | 84.899.569.445 |

6. Doanh thu hoạt động tài chính

| | | |
|------------------------|--------------------|--------------------|
| Doanh thu lãi tiền gửi | 485.435.270 | 295.247.832 |
| Cộng | 485.435.270 | 295.247.832 |

7. Chi phí hoạt động tài chính

| | | |
|-----------------|-----------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay | 66.938.373.990 | 900.046.998 |
| Cộng | 66.938.373.990 | 900.046.998 |

8. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

| | | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lương và các khoản khác theo lương | 25.192.801.807 | 11.453.113.997 |
| BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN | 1.644.849.000 | 875.010.502 |
| Chi phí vật tư, đồ dùng văn phòng | 226.200.081 | 50.947.234 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 798.239.570 | 392.764.122 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 666.011.226 | 689.848.827 |
| Chi phí thuế, phí và lệ phí | 28.119.148 | 97.812.485 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.883.430.690 | 4.053.011.245 |
| Chi phí khác | 7.712.805.891 | 3.187.361.872 |
| Cộng | 41.152.457.413 | 20.799.870.284 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Thu nhập khác

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Thu nhập khác | 9.813.174.662 | 2.838.278.820 |
| Nhận bồi thường từ công nợ đã xử lý | 9.808.923.607 | 2.768.270.330 |
| Thu nhập khác | 4.251.055 | 70.008.490 |
| Chi phí khác | 5.067.673.786 | - |
| Chi phí thanh lý tài sản cố định | 67.673.785 | - |
| Chi phí khác | 5.000.000.001 | - |
| Lợi nhuận (lỗ) khác thuần | 4.745.500.876 | 2.838.278.820 |

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | | |
|--|------------------------|-------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 175.450.744.788 | 47.434.763.714 |
| Điều chỉnh lợi nhuận kế toán: | 10.985.473.190 | 102.880.450 |
| Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng | 13.571.737.256 | 102.910.400 |
| Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm | (2.586.264.066) | (29.950) |
| Trừ: Chuyển lỗ | - | (17.566.225.828) |
| Tổng thu nhập chịu thuế | 186.436.217.978 | 29.971.418.336 |
| Thuế suất áp dụng | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 37.287.243.596 | 5.994.283.667 |

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

11. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại vào Báo cáo kết quả hoạt động cho kỳ kế toán quý I kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 và kỳ kế toán năm trước như sau:

| | | |
|---|-------------------------|-----------------------|
| Các khoản lỗ tính thuế đã sử dụng | - | 18.946.225.828 |
| Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL | (11.721.780.356) | 44.353.790 |
| Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL | 1.429.072.802 | (1.933.847.948) |
| Doanh thu chưa thực hiện | (51.953.198.847) | - |
| Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | (62.245.906.401) | 17.056.731.670 |
| Thuế suất áp dụng | 20% | 20% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | (12.449.181.280) | 3.411.346.334 |

12. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|------------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 150.612.682.472 | 38.029.133.713 |
| Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 150.612.682.472 | 38.029.133.713 |
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 100.000.000 | 43.960.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.506 | 865 |

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

| | | |
|--|------------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 150.612.682.472 | 38.029.133.713 |
| Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu | - | - |
| Lợi nhuận (lỗ) thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng | 150.612.682.472 | 38.029.133.713 |
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 100.000.000 | 43.960.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm | - | - |
| Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng | 100.000.000 | 43.960.000 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 1.506 | 865 |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|----------------|-------------|
| Cổ tức Mua sắm tài sản trong kỳ đã trả trước từ năm trước, tiền lãi chưa đến ngày nhận | - | 151.526.100 |
| Chi phí lãi vay, trái phiếu phải trả | 25.521.525.974 | 62.946.016 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các giao dịch bằng tiền ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|--|---------------|-----------------|
| Trả trước tiền mua sắm tài sản | - | 1.135.000.000 |
| Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong kỳ nay | 9.930.958.904 | 29.589.041 |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Trong vòng 1 năm | 10.308.043.884 | 10.726.048.964 |
| Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5 | 13.577.879.146 | 25.500.278.172 |
| Cộng | <u>23.885.923.030</u> | <u>36.226.327.136</u> |

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 658 m2 tại phòng 404-405, lầu 4 và 242m2 phòng 701-702 lầu 07 tại số 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư Địa ốc Châu Lục theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 76/2019/HĐKT/FIDECOLAND-TPS ngày 25 tháng 6 năm 2019 và Phụ lục A Điều chỉnh 2 ngày 08 tháng 01 năm 2021 được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 25 tháng 7 năm 2019.
- Tổng số tiền thuê 274 m2 tại tầng 12 Tòa nhà DOJI Tower số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vàng bạc đá quý DOJI theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 691/2019/HĐT/TPS-DOJI ngày 6 tháng 9 năm 2019 được ký với thời hạn 36 tháng tính từ ngày 16 tháng 10 năm 2019.

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

| | | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|--------------------------|-------------------------|---------------|-----------------|
| Hội đồng quản trị | | | |
| Ông Trần Sơn Hải | Phó Chủ tịch | 300.000.000 | 300.000.000 |
| Ban kiểm soát | | | |
| Bà Trần Thanh Hương | Trưởng ban | 30.000.000 | 30.000.000 |
| Bà Đặng Sĩ Thùy Tâm | Thành viên | 24.000.000 | 2.000.000 |
| Bà Võ Thị Xuân Lan | Thành viên | 24.000.000 | 2.000.000 |
| Ban Tổng Giám đốc | | | |
| Bà Nguyễn Thị Lệ Tùng | Giám đốc khối tài chính | 771.486.364 | 553.800.000 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Báo cáo theo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc tập trung việc quản lý và đánh giá hiệu quả hoạt động trên khía cạnh toàn Công ty và chưa tiến hành xem xét và đánh giá theo từng bộ phận kinh doanh. Đồng thời, các doanh thu của Công ty phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc trình bày thông tin theo bộ phận là không cần thiết.

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay bao gồm Trái phiếu phát hành dài hạn như được trình bày tại Thuyết minh số V.16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế))

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính FVTPL, các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay, các khoản phải thu, phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp, các khoản phải thu khác và cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả giao dịch chứng khoán, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác.

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 556.076.562.478 | 1.002.117.958.872 |
| Các tài sản tài chính FVTPL | 1.579.854.114.470 | 450.490.918.650 |
| Các khoản cho vay | 809.735.240.921 | 127.817.183.500 |
| Các khoản phải thu | 15.631.819.058 | 76.144.002.193 |
| Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược | 3.458.614.373 | 2.285.293.833 |
| Cộng | <u>3.464.756.351.300</u> | <u>1.658.855.357.048</u> |
| Nợ phải trả tài chính | | |
| Phải trả người bán | 2.812.255.129 | 324.237.500 |
| Chi phí phải trả | 35.091.195.821 | 55.406.916.000 |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 48.258.324.971 | 33.565.253.669 |
| Trái phiếu phát hành dài hạn | 2.000.000.000.000 | 1.000.000.000.000 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 215.716.109.593 | 101.907.282.976 |
| Cộng | <u>2.301.877.885.514</u> | <u>1.191.203.690.145</u> |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này cũng như đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa các rủi ro này có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về yếu tố của các công cụ tài chính trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày Báo cáo tài chính là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá của các công cụ tài chính (giá của cổ phiếu, giá của các tài sản tài chính,...) là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Quản lý về rủi ro giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty đầu tư,...

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 224.451.599.180 VND. Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng/giảm khoảng 22.445.159.918 VND phụ thuộc vào việc tăng/giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu, các khoản cho vay) và hoạt động tài chính (chủ yếu là tiền gửi ngân hàng).

Các khoản phải thu

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, rủi ro của các khoản phải thu là không đáng kể.

Các khoản cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng

Rủi ro tín dụng khách hàng dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến qui trình cho vay ứng trước khách hàng. Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng trước khi ký kết các hợp đồng ứng trước cho khách hàng cũng như định kỳ kiểm tra tình hình tài chính của khách hàng vay để các điều chỉnh phù hợp về hạn mức tín dụng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các khoản cho vay ứng trước khách hàng đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được xếp hạng tín dụng cao ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận nguồn vốn của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Cộng |
|--|-------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
| Số cuối kỳ | | | |
| Tài sản tài chính | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 556.076.562.478 | - | 556.076.562.478 |
| Các tài sản tài chính FVTPL | 1.579.854.114.470 | - | 1.579.854.114.470 |
| Các khoản cho vay | 809.735.240.921 | - | 809.735.240.921 |
| Các khoản phải thu | 15.631.819.058 | - | 15.631.819.058 |
| Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược | - | 3.458.614.373 | 3.458.614.373 |
| Cộng | 3.461.297.736.927 | 3.458.614.373 | 3.464.756.351.300 |
| Nợ phải trả tài chính | | | |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 35.091.195.821 | - | 35.091.195.821 |
| Chi phí phải trả | 48.258.324.971 | - | 48.258.324.971 |
| Trái phiếu phát hành dài hạn | - | 2.000.000.000.000 | 2.000.000.000.000 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 215.716.109.593 | - | 215.716.109.593 |
| Cộng | 301.877.885.514 | 2.000.000.000.000 | 2.301.877.885.514 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 3.159.419.851.413 | (1.996.541.385.627) | 1.162.878.465.786 |
| Số đầu năm | | | |
| Tài sản tài chính | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.002.117.958.872 | - | 1.002.117.958.872 |
| Các tài sản tài chính FVTPL | 450.490.918.650 | - | 450.490.918.650 |
| Các khoản cho vay | 127.817.183.500 | - | 127.817.183.500 |
| Các khoản phải thu | 76.144.002.193 | - | 76.144.002.193 |
| Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược | - | 2.285.293.833 | 2.285.293.833 |
| Cộng | 1.656.570.063.215 | 2.285.293.833 | 1.658.855.357.048 |
| Nợ phải trả tài chính | | | |
| Phải trả người bán | 324.237.500 | 55.406.916.000 | 55.731.153.500 |
| Chi phí phải trả | 33.565.253.669 | - | 33.565.253.669 |
| Trái phiếu phát hành dài hạn | - | 1.000.000.000.000 | 1.000.000.000.000 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 101.907.282.976 | - | 101.907.282.976 |
| Cộng | 135.796.774.145 | 1.055.406.916.000 | 1.191.203.690.145 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 1.520.773.289.070 | (1.053.121.622.167) | 467.651.666.903 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Vào ngày 06 tháng 7 năm 2021, Công ty đã có Thông báo số 474/2021/TPS-CV gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc thay đổi trụ sở chính từ Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh sang địa chỉ Tầng 4, tầng 7 Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang thực hiện các thủ tục thay đổi giấy phép về việc thay đổi trụ sở chính của Công ty.

Tại ngày phát hành Báo cáo kiểm toán này, Công ty đang thực hiện các thủ tục chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 61/GCN-UBCK ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước ban hành về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng 100.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị chào bán tính theo mệnh giá là 1.000.000.000.000 đồng cho các cổ đông hiện hữu theo phương án nâng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ VND lên 2.000 tỷ VND đã được cáo bạch.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2021



TRẦN SƠN HẢI
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối tài chính

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Kế toán trưởng

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính